

THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC - HỌC KÌ II

Năm học :	Năm học: 2023-2024
Trường :	Tiêu học Lý Thường Kiệt - Uông Bí

1. Chất lượng giáo dục

	Sĩ số	Tổng số HS có KQĐ G	Lớp 1				Lớp 2				Lớp 3				Lớp 4			
			Trong tổng số				Trong tổng số				Trong tổng số				Trong tổng số			
			Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật	Tổng số HS có KQĐ G	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật	Tổng số HS có KQĐ G	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Tổng số HS có KQĐ G
I. Kết quả học tập																		
1. Tiếng Việt	804	804	187	90	6	3	4	176	89	5	2			215	107	5	1	226
Hoàn thành tốt		731	172	89	6	3	1	154	78	3	1			194	104	4	1	211
Hoàn thành		68	10				3	22	11	2	1			21	3	1		15
Chưa hoàn thành		5	5	1														
2. Toán	804	804	187	90	6	3	4	176	89	5	2			215	107	5	1	226
Hoàn thành tốt		731	170	87	5	3	1	165	84	3	1			194	100	4	1	202
Hoàn thành		67	13	2	1		3	11	5	2	1			19	7			24
Chưa hoàn thành		6	4	1										2	1			
3. Đạo đức	804	804	187	90	6	3	4	176	89	5	2			215	107	5	1	226
Hoàn thành tốt		629	138	75	3	2		140	74	3	1			172	98	2		179
Hoàn thành		175	49	15	3	1	4	36	15	2	1			43	9	3	1	47
Chưa hoàn thành																		
4. Tự nhiên và Xã hội	578	578	187	90	6	3	4	176	89	5	2			215	107	5	1	226
Hoàn thành tốt		421	136	75	3	2		123	67	2	1			162	95	2		
Hoàn thành		157	51	15	3	1	4	53	22	3	1			53	12	3	1	
Chưa hoàn thành																		
5. Khoa học	226	226																226
Hoàn thành tốt		222																222
Hoàn thành		4																4
Chưa hoàn thành																		
6. LS & DL	226	226																226
Hoàn thành tốt		224																224
Hoàn thành		2																2
Chưa hoàn thành																		
7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	804	804	187	90	6	3	4	176	89	5	2			215	107	5	1	226
Hoàn thành tốt		591	139	76	4	2		127	68	2	1			161	97	1		164

Hoàn thành		213	48	14	2	1		4	49	21	3	1				54	10	4	1		3	62	18	3		2
Chưa hoàn thành																										
8. Nghệ thuật (Mĩ thuật)	804	804	187	90	6	3		4	176	89	5	2				215	107	5	1		3	226	94	5		2
Hoàn thành tốt		624	144	78	4	2			136	79	2	1				165	99	1				179	86	3		1
Hoàn thành		180	43	12	2	1		4	40	10	3	1				50	8	4	1		3	47	8	2		1
Chưa hoàn thành																										
9. Hoạt động trải nghiệm	804	804	187	90	6	3		4	176	89	5	2				215	107	5	1		3	226	94	5		
Hoàn thành tốt		631	150	81	4	2			137	72	2	1				172	97	2				172	77	2		2
Hoàn thành		173	37	9	2	1		4	39	17	3	1				43	10	3	1		3	54	17	3		2
Chưa hoàn thành																										
10. Giáo dục thể chất	804	804	187	90	6	3		4	176	89	5	2				215	107	5	1		3	226	94	5		2
Hoàn thành tốt		585	138	76	3	2			121	66	2	1				159	96	1				167	80	2		
Hoàn thành		219	49	14	3	1		4	55	23	3	1				56	11	4	1		3	59	14	3		2
Chưa hoàn thành																										
11. TH-CN (Công nghệ)	441	441																								
Hoàn thành tốt		436														215	107	5	1		3	226	94	5		2
Hoàn thành		5														211	106	4		2	225	94	5		1	
Chưa hoàn thành																4	1	1	1	1	1	1			1	
12. TH-CN (Tin học)	441	441																								
Hoàn thành tốt		414														215	107	5	1		3	226	94	5		2
Hoàn thành		27														195	103	5	1		2	219	93	5		1
Chưa hoàn thành																20	4				1	7	1			1
13. Ngoại ngữ	804	804	187	90	6	3		4	176	89	5	2														
Hoàn thành tốt		698	164	82	6	3		1	172	87	4	1				215	107	5	1		3	226	94	5		2
Hoàn thành		106	23	8				3	4	2	1	1				182	95	4	1		1	180	81	3		1
Chưa hoàn thành																33	12	1			2	46	13	2		1
14. Tiếng dân tộc	804																									
Hoàn thành tốt																										
Hoàn thành																										
Chưa hoàn thành																										
II. Năng lực cốt lõi																										

Tốt		641	136	75	3	2				122	67	2	1				162	95	2					221	93	4				1
Đạt		163	51	15	3	1		4		54	22	3	1				53	12	3	1			3	5	1	1				1
Cần cố gắng																														
Thẩm mĩ	804	804	187	90	6	3		4		176	89	5	2				215	107	5	1		3		226	94	5				2
Tốt		619	144	78	4	2				132	76	2	1				165	99	1					178	86	3				1
Đạt		185	43	12	2	1		4		44	13	3	1				50	8	4	1		3		48	8	2				1
Cần cố gắng																														
Thể chất	804	804	187	90	6	3		4		176	89	5	2				215	107	5	1		3		226	94	5				2
Tốt		584	138	76	3	2				121	66	2	1				159	96	1					166	80	2				
Đạt		220	49	14	3	1		4		55	23	3	1				56	11	4	1		3		60	14	3				2
Cần cố gắng																														
III. Phẩm chất chủ yếu																														
Yêu nước	804	804	187	90	6	3		4		176	89	5	2				215	107	5	1		3		226	94	5				2
Tốt		792	187	90	6	3		4		171	87	5	2				215	107	5	1		3		219	93	5				1
Đạt		12								5	2													7	1					1
Cần cố gắng																														
Nhân ái	804	804	187	90	6	3		4		176	89	5	2				215	107	5	1		3		226	94	5				2
Tốt		793	187	90	6	3		4		172	87	5	2				215	107	5	1		3		219	93	5				1
Đạt		11								4	2													7	1					1
Cần cố gắng																														
Chăm chỉ	804	804	187	90	6	3		4		176	89	5	2				215	107	5	1		3		226	94	5				2
Tốt		642	156	81	4	2		1		138	72	3	1				172	96	1			1		176	79	3				
Đạt		160	31	9	2	1		3		38	17	2	1				41	11	3	1		2		50	15	2				2
Cần cố gắng		2															2		1											
Trung thực	804	804	187	90	6	3		4		176	89	5	2				215	107	5	1		3		226	94	5				2
Tốt		723	185	90	6	3		4		171	88	5	2				176	98	1			1		191	83	5				2
Đạt		81	2							5	1						39	9	4	1		2		35	11					
Cần cố gắng																														
Trách nhiệm	804	804	187	90	6	3		4		176	89	5	2				215	107	5	1		3		226	94	5				2
Tốt		657	161	84	4	2		1		146	76	3	1				167	95	1			1		183	81	3				
Đạt		147	26	6	2	1		3		30	13	2	1				48	12	4	1		2		43	13	2				2

Ưông Bí, ngày 31 tháng 05 năm 2024



THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC - HỌC KÌ II

Năm học :	Năm học: 2023-2024
Trường :	Tiểu học Lý Thường Kiệt - Uông Bí

1. Chất lượng giáo dục

	Số số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 5			
			Trong tổng số			
			Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép
I. Kết quả học tập						
1. Tiếng Việt	225	225	105	5	2	2
Hoàn thành tốt		143	76	2	1	
Hoàn thành		82	29	3	1	2
Chưa hoàn thành						
2. Toán	225	225	105	5	2	2
Hoàn thành tốt		153	74	2	1	
Hoàn thành		72	31	3	1	2
Chưa hoàn thành						
3. Đạo đức	225	225	105	5	2	2
Hoàn thành tốt		172	89	2	1	
Hoàn thành		53	16	3	1	2
Chưa hoàn thành						
4. Khoa học	225	225	105	5	2	2
Hoàn thành tốt		194	98	3	2	
Hoàn thành		31	7	2		2
Chưa hoàn thành						
5. LS & DL	225	225	105	5	2	2
Hoàn thành tốt		163	83	2	1	
Hoàn thành		62	22	3	1	2
Chưa hoàn thành						
6. Âm nhạc	225	225	105	5	2	2
Hoàn thành tốt		128	68	2	1	
Hoàn thành		97	37	3	1	2
Chưa hoàn thành						
7. Mỹ thuật	225	225	105	5	2	2

Hoàn thành tốt		159	159	89	4	2		
Hoàn thành		66	66	16	1			2
Chưa hoàn thành								
8. Thủ công, Kỹ thuật	225	225	225	105	5	2		
Hoàn thành tốt		127	127	68	2	1		2
Hoàn thành		98	98	37	3	1		2
Chưa hoàn thành								
9. Thể dục	225	225	225	105	5	2		2
Hoàn thành tốt		133	133	68	3	2		
Hoàn thành		92	92	37	2			2
Chưa hoàn thành								
10. Ngoại ngữ	225	225	225	105	5	2		2
Hoàn thành tốt		143	143	73	1	1		
Hoàn thành		82	82	32	4	1		2
Chưa hoàn thành								
11. Tin học	225							
Hoàn thành tốt								
Hoàn thành								
Chưa hoàn thành								
12. Tiếng dân tộc	225							
Hoàn thành tốt								
Hoàn thành								
Chưa hoàn thành								
II. Năng lực								
Tự phục vụ tự quản	225	225	225	105	5	2		2
Tốt		190	190	94	3	2		
Đạt		35	35	11	2			2
Cần cố gắng								
Hợp tác	225	225	225	105	5	2		2
Tốt		201	201	102	3	2		
Đạt		24	24	3	2			2
Cần cố gắng								
Tự học và giải quyết vấn đề	225	225	225	105	5	2		2
Tốt		163	163	81	2	1		
Đạt		62	62	24	3	1		2
Cần cố gắng								

III. Phẩm chất									
Chăm học chăm làm									
Tốt	225	225	105	5	2				2
Đạt		155	77	2	1				
Cần cố gắng		70	28	3	1				2
Tự tin trách nhiệm									
Tốt	225	225	105	5	2				2
Đạt		194	97	2	1				
Cần cố gắng		31	8	3	1				2
Trung thực kỷ luật									
Tốt	225	225	105	5	2				2
Đạt		209	103	2	1				
Cần cố gắng		16	2	3	1				2
Đoàn kết yêu thương									
Tốt	225	225	105	5	2				2
Đạt		205	101	3	2				
Cần cố gắng		20	4	2					2
IV. Khen thưởng									
- Giấy khen cấp trường		106	54	1	1				
- Giấy khen cấp trên		106	54	1	1				
V. HSDT được trợ giảng									
VI. HS.K.Tật									
VII. HS bỏ học kỳ II									
+ Hoàn cảnh GĐKK									
+ KK trong học tập									
+ Xa trường, đi lại K.khăn									
+ Thiên tai, dịch bệnh									
+ Nguyên nhân khác									
VIII. Chương trình lớp học									
Hoàn thành	225	225	105	5	2				2
Chưa hoàn thành	225	225	105	5	2				2

Uông Bí, ngày 31 tháng 05 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Ngô Thị Huế